



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

1 - Bảng gồm tài sản cố định hữu hình



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 – 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm 2014	12 – 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	14 – 31
8. Phụ lục 1 – Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	32
9. Phụ lục 2 – Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu	33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Nha Trang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200444916 ngày 22 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Môi trường Đô Thị Nha Trang.

Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang có vốn điều lệ là 20.608.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 22 Hùng Vương - phường Lộc Thọ - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại : (058) 3523 863
Fax : (058) 3523 863
Mã số thuế : 4200444916
Email : urenconhatrang@yahoo.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vệ sinh môi trường (thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, hút hầm ...)
- Quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng;
- Quản lý công viên, thiết kế vườn hoa, trồng và chăm sóc cây xanh;
- Quản lý, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng;
- Kinh doanh cây cảnh, hoa tươi;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Dịch vụ địa táng, dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ xây lăng tẩm, vườn tưởng niệm;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Thực hiện các quyết định Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang, Công ty đã được xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa, Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang đã điều chỉnh số liệu trong sổ kế toán theo giá trị doanh nghiệp đã được công bố trong Báo cáo tài chính năm 2014.

Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang đã được tổ chức vào ngày 26 tháng 12 năm 2014 tại Trung tâm Hội nghị 46 Trần Phú – Nha Trang – Khánh Hòa. Công ty Cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 12 năm 2014 bởi Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa (do chuyển đổi hình thức doanh nghiệp).

Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang có vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng, trong đó cổ phần Nhà Nước chiếm 61,73% vốn điều lệ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất là:

- Thu gom rác thải không độc hại
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, địa táng.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Bán buôn hoa và cây.
- Trồng hoa, cây cảnh.
- Trồng cây hàng năm khác.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Xây dựng công trình công ích.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt hệ thống điện.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban quản lý và điều hành Công ty

Ban quản lý và điều hành của Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang trong năm 2014 bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Khánh Thuận	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc	27 tháng 8 năm 2010
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên kiêm Phó Giám đốc	27 tháng 8 năm 2010
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	27 tháng 8 năm 2010

Ban quản lý và điều hành của Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

4981
HINH
NG TY
TOÁN
&
NHA T
ING

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Ngọc Ân	Chủ tịch	26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Vinh	Thành viên	26 tháng 12 năm 2014
Ông Ngô Văn Đùng	Thành viên	26 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Ngọc Thanh	Thành viên	26 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	01 tháng 01 năm 2015

Ban Kiểm soát viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	26 tháng 12 năm 2014
Ông Lương Hải Thiện	Thành viên	26 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên	26 tháng 12 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán đoán tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

001
ÁNH
TNH
à TỬ
RANH
T. KH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *HL*

Hồ Ngọc Ân

Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 019/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang (đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2013-008-1

Nha Trang, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Hải Ly – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2100-2013-008-1

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.155.636.329	50.372.407.419
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.439.591.492	32.098.685.842
1. Tiền	111		16.439.591.492	22.098.685.842
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.418.222.050	13.439.301.963
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	8.931.488.000	12.233.154.898
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	248.781.000	1.035.939.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	237.953.050	376.579.563
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	(206.371.898)
IV. Hàng tồn kho	140		1.514.401.360	1.341.068.030
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.514.401.360	1.341.068.030
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.783.421.427	3.493.351.584
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	154.884.110	75.871.526
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.552.304
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	736.967.600	1.961.489.837
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2.891.569.717	1.452.437.917

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.290.197.979	112.255.733.732
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		48.765.394.900	108.343.676.441
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	48.765.394.900	106.224.246.441
<i>Nguyên giá</i>	222		82.298.548.754	229.282.081.997
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(33.533.153.854)	(123.057.835.556)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	2.119.430.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.524.803.079	3.912.057.291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	4.524.803.079	3.912.057.291
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84.445.834.308	162.628.141.151



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.509.960.219	49.888.156.755
I. Nợ ngắn hạn	310		24.749.223.532	45.814.025.344
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	313.394.724	313.394.724
2. Phải trả người bán	312	V.14	2.013.231.000	2.630.251.600
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2.551.676.660	110.128.353
5. Phải trả người lao động	315	V.16	10.232.419.555	35.031.232.495
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.822.086.329	3.499.569.562
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.479.101.441	3.167.668.326
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	4.337.313.823	1.061.780.284
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.760.736.687	4.074.131.411
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3.760.736.687	4.074.131.411
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.935.874.089	112.739.984.396
I. Vốn chủ sở hữu	410		55.881.328.830	42.559.645.461
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	55.881.328.830	20.608.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.21	-	17.360.572.470
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	V.21	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	-	642.342.491
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.21	-	3.948.730.500
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		54.545.259	70.180.338.935
1. Nguồn kinh phí	432	V.22	54.545.259	(1.565.154.900)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.23	-	71.745.493.835
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.445.834.308	162.628.141.151

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.24	75.667.357.718	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Nha Trang, ngày 11 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập biểu

Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởng



Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131.476.142.511	128.767.333.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	4.009.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	131.476.142.511	128.763.324.289
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	117.534.251.879	119.566.903.498
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.941.890.632	9.196.420.791
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	519.554.166	1.265.118.348
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	283.439.178	205.342.788
Trong đó: chi phí lãi vay	23		283.439.178	201.554.594
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	8.264.573.472	7.963.980.041
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.913.432.148	2.292.216.310
11. Thu nhập khác	31	VI.6	737.947.875	17.163.632
12. Chi phí khác	32	VI.7	543.556.153	29.273.118
13. Lợi nhuận khác	40		194.391.722	(12.109.486)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.107.823.870	2.280.106.824
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.417.963.162	578.098.362
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.689.860.708</u>	<u>1.702.008.462</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-

Nha Trang, ngày 11 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Người lập biểu


Nguyễn Hùng Thanh
 Kế toán trưởng


Hồ Ngọc Ân
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.107.823.870	2.280.106.824
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	5.911.924.709	5.199.492.775
- Các khoản dự phòng	03		-	16.279.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(877.919.258)	(1.031.612.232)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	283.439.178	201.554.594
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.425.268.499	6.665.820.961
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.002.622.552	(12.241.254.550)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.518.554.880	(316.236.487)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.028.981.786)	(3.377.327.615)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(331.777.368)	(1.387.451.569)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(288.169.059)	(120.215.837)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(626.887.223)	(473.533.893)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		33.013.951.442	118.182.688.505
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(30.467.739.518)	(111.661.418.211)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.783.157.581)	(4.728.928.696)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.026.412.583)	(6.824.599.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	729.766.056	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	262.979.742	1.031.612.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.033.666.785)	(5.792.986.768)

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.21	(528.875.260)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13, V.20	-	4.700.920.859
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13, V.20	(313.394.724)	(313.394.724)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(842.269.984)	4.387.526.135
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.659.094.350)	(6.134.389.329)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.098.685.842	38.233.075.171
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	16.439.591.492	32.098.685.842

Nha Trang, ngày 11 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởng


Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà Nước.

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.

3. **Ngành nghề kinh doanh** :

- Vệ sinh môi trường (thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, hút hầm ...)
- Quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng;
- Quản lý công viên, thiết kế vườn hoa, trồng và chăm sóc cây xanh;
- Quản lý, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng;
- Kinh doanh cây cảnh, hoa tươi;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Dịch vụ địa táng, dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ xây lăng tẩm, vườn tưởng niệm;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện.

4. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 795 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 700 nhân viên).

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Thực hiện các quyết định Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang, Công ty đã được xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa, Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Nha Trang đã điều chỉnh số liệu trong sổ kế toán theo giá trị doanh nghiệp đã được công bố trong Báo cáo tài chính năm 2014.

Ngoài ra, do tài sản cố định phục vụ công cộng không được tính khi xác định giá trị doanh nghiệp, nên giá trị tổng tài sản của Công ty giảm so với đầu năm.

Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang đã được tổ chức vào ngày 26 tháng 12 năm 2014 tại Trung tâm Hội nghị 46 Trần Phú – Nha Trang – Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 12 năm 2014 bởi Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa (do chuyển đổi hình thức doanh nghiệp).

Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang có vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng, trong đó cổ phần Nhà Nước chiếm 61,73% vốn điều lệ.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định phục vụ kinh doanh

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
- Phương tiện vận tải	10
- Máy móc thiết bị	04 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 08

300
C
CÔ
EM
T
7/7

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định phục vụ công cộng

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

Nguyên giá tài sản cố định được điều chuyển đến là giá trị của tài sản ghi trong Biên bản bàn giao tài sản điều chuyển cộng (+) với các chi phí vận chuyển bốc dỡ, các chi phí sửa chữa, cải tạo nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử đã trừ (-) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử, các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) mà Công ty phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào sử dụng.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tài sản cố định phục vụ công cộng đã được điều chuyển ra ngoài bảng thành tài sản giữ hộ do Công ty đã chính thức chuyển đổi hình thức thành công ty cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Tài sản cố định phục vụ công cộng được tính hao mòn theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15
- Máy móc, thiết bị	2 – 10
- Phương tiện truyền dẫn	5
- Cây lâu năm	08 – 25

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ khi chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Chi phí khác

Chi phí sửa chữa xe và các chi phí khác được phân bổ trong thời gian không quá 36 tháng.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty/ từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

12. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.982	66.964.376
Tiền gửi ngân hàng	16.439.582.510	22.031.721.466
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	10.000.000.000
Cộng	<u>16.439.591.492</u>	<u>32.098.685.842</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Nha Trang	7.702.792.000	10.926.375.000
Phòng Quản lý Đô thị Nha Trang	877.963.000	1.012.173.000
Các khách hàng khác	350.733.000	294.606.898
Cộng	<u>8.931.488.000</u>	<u>12.233.154.898</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị môi trường Hiệp Hoà	-	686.994.000
Công ty TNHH Xây Dựng Kiên Mỹ	-	258.485.400
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc	226.281.000	-
Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Tổ Chức Sự Kiện Thiên Minh	22.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	90.460.000
Cộng	<u>248.781.000</u>	<u>1.035.939.400</u>

4. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	34.003.300	-
Phải thu cổ phần hóa		56.000.000
Phải thu tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		89.463.723
Phải thu tiền sửa chữa điện chiếu sáng công cộng		227.611.840
Phải thu thay thế 20 bộ đèn chiếu sáng sử dụng năng lượng gió và mặt trời tại Quảng trường 2/4 và khu vực chợ đêm	193.595.000	
Các khoản phải thu khác	10.354.750	3.504.000
Cộng	<u>237.953.050</u>	<u>376.579.563</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Số đầu năm là khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	206.371.898	190.092.898
Trích lập dự phòng bổ sung	-	16.279.000
Hoàn nhập trong năm	(192.649.898)	-
Xử lý nợ khó đòi	(13.722.000)	-
Số cuối năm	-	206.371.898

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	507.606.110	328.158.866
Công cụ, dụng cụ	545.684.353	508.013.926
Hàng hóa	461.110.897	504.895.238
Cộng	1.514.401.360	1.341.068.030

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	81.973.486	59.920.833
Chi phí bảo hiểm	72.910.624	15.950.693
Cộng	154.884.110	75.871.526

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là số dư tạm ứng cho công nhân viên tại thời điểm cuối năm.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định được trình bày tại xem Phụ lục.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển TSCĐ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	5.000.000	2.364.980.600	(2.369.980.600)	(7.977.840)	-
XDCB dở dang	2.114.430.000	4.303.287.723	(6.417.717.723)	-	-
• Thay thế 20 bộ đèn chiếu sáng sử dụng năng lượng gió và mặt trời tại Quảng Trường 2/4 và khu vực chợ đêm Nha Trang	193.595.000	235.348.000	(428.943.000)	-	-
• Quét vôi đường phố, bồn hoa, gốc cây trụ điện	90.814.000	-	(90.814.000)	-	-
• Duy tu, sửa chữa đường lên bãi rác đèo rù rì	490.069.000	-	(490.069.000)	-	-
• Mở rộng diện tích bãi rác Rù Rì	1.339.952.000	89.755.723	(1.429.707.723)	-	-



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển TSCĐ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
• Sửa chữa, thay thế điện chiếu sáng các tuyến hẻm nội thị và đường nông thôn năm 2014	-	955.380.000	(955.380.000)	-	-
• Sửa chữa 02 nhà lục giác tại công viên 2 - công viên bờ biển Nha Trang	-	390.115.000	(390.115.000)	-	-
• Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện chiếu sáng công cộng đã xuống cấp các trục đường thành phố Nha Trang năm 2013	-	2.096.064.000	(2.096.064.000)	-	-
• Trồng hoa nhà hoả táng	-	536.625.000	-	(536.625.000)	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	2.119.430.000	6.668.268.323	(8.250.513.323)	(536.625.000)	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ chi phí trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.606.757.513	1.061.954.448	(995.159.578)	(7.977.840)	1.665.574.543
Chi phí sửa chữa xe	2.305.299.778	2.125.069.431	(2.180.489.500)	-	2.249.879.709
Lợi thế kinh doanh	-	126.200.000	-	-	126.200.000
Trồng cây nhà hỏa táng	-	536.625.000	(53.476.173)	-	483.148.827
Số cuối năm	3.912.057.291	3.849.848.879	(3.229.125.251)	(7.977.840)	4.524.803.079

13. Vay và nợ ngắn hạn

Số dư phản ánh khoản vay dài hạn đến hạn trả Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa (xem thuyết minh V.20).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	313.394.724	-
Số kết chuyển	313.394.724	313.394.724
Số tiền vay đã trả trong năm	(313.394.724)	-
Số cuối năm	313.394.724	313.394.724

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiệm điện Quỳnh Xinh	1.733.146.000	-
Phạm Ngọc Dũng	136.180.000	42.637.000
Công ty Cổ phần Anh Thăng	46.840.000	30.729.000
Hộ kinh doanh Lê Thị Ánh Đào	-	817.300.000
Công Ty Cổ Phần Điện Tử Chuyên Dụng HANEL	-	669.000.000
Công Ty TNHH Xây Dựng Kiên Mỹ	-	782.100.000
Trần Bảo Phong	33.450.000	-
Các nhà cung cấp khác	63.615.000	288.485.600
Cộng	2.013.231.000	2.630.251.600

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	5.618.522.203	(3.968.049.835)	1.650.472.368
Thuế thu nhập doanh nghiệp	110.128.353	1.417.963.162	(626.887.223)	901.204.292
Thuế thu nhập cá nhân	(1.961.489.837)	2.484.450.191	(1.259.927.954)	(736.967.600)
Thuế sử dụng đất phi NN	-	5.711.200	(5.711.200)	-
Tiền thuê đất	-	325.658.000	(325.658.000)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	(1.851.361.484)	9.855.304.756	(6.189.234.212)	1.814.709.060

Thuế nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước”.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Dịch vụ thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất như sau:

+ Bán cây cảnh	5%
+ Bán chậu cảnh, xây mộ, cho thuê bãi đỗ ô tô, Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.107.823.870	2.280.106.824
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	337.463.230	32.286.623
- Các khoản điều chỉnh tăng	337.463.230	32.286.623
Tổng thu nhập chịu thuế	6.445.287.100	2.312.393.447
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.417.963.162	578.098.362

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Số dư phải trả người lao động cuối năm là quỹ lương còn lại chưa chi.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả trả lãi vay	81.338.757	86.068.638
Thuê ngoài xây mộ 02 nghĩa trang	387.119.546	726.891.080
Phải trả tiền nhiên liệu phục vụ sản xuất	232.807.195	1.068.404.170
Chi phí phải trả phụ tùng ô tô, vật tư mua ngoài	373.809.684	109.390.000
Phải trả bồi dưỡng hiện vật	423.407.883	248.240.000
Chi phí phải trả tiền ăn ca	1.240.668.000	1.121.252.000
Chi phí phải trả tiền nước	13.201.264	15.614.674
Chi phí phải trả khác	69.734.000	123.709.000
Cộng	<u>2.822.086.329</u>	<u>3.499.569.562</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	60.741.442	60.741.442
Kinh phí công đoàn	35.258.170	27.802.710
Bảo hiểm xã hội	-	6.200.000
Thuế TNCN phải trả lại công nhân viên	1.230.034.563	1.977.499.969
Phải trả Ban quản lý dự án về dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang	1.094.374.205	1.094.374.205
Phải trả khác	58.693.061	1.050.000
Cộng	<u>2.479.101.441</u>	<u>3.167.668.326</u>

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	432.094.532	498.626.197	131.059.555	1.061.780.284
Điều chỉnh trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	61.410.742	61.410.743	(9.354.254)	113.467.231
Ngân sách thưởng	5.518.859.200	1.271.964.800	-	6.790.824.000
Thu hồi các khoản đã chi bằng tiền	2.960.000	51.500.000	-	54.460.000
Thu hồi các khoản đã chi bằng trừ lương	-	67.200.000	-	67.200.000
Trích quỹ từ lợi nhuận năm nay	3.751.888.567	937.972.141	-	4.689.860.708
Chi quỹ trong năm nay bằng tiền	(6.498.595.000)	(1.854.469.400)	(67.214.000)	(8.420.278.400)
Chi phí phải trả	-	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Số cuối năm	<u>3.268.618.041</u>	<u>1.034.204.481</u>	<u>34.491.301</u>	<u>4.337.313.823</u>

20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính và Công ty ký ngày 10/10/2011 để đầu tư cho dự án "Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang", thời hạn vay 20 năm, lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.074.131.411	-
Số tiền vay trong năm	-	4.700.920.859
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(313.394.724)
Số kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	(313.394.724)	(313.394.724)
Số cuối năm	<u>3.760.736.687</u>	<u>4.074.131.411</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	313.394.724	313.394.724
Trên 1 năm đến 5 năm	1.253.578.896	1.253.578.896
Trên 5 năm	2.507.157.791	2.820.552.515
Tổng nợ	<u>4.074.131.411</u>	<u>4.387.526.135</u>

21. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu : xem Phụ lục 2.*

Phân phối lợi nhuận trong năm: Công ty không trích quỹ đầu tư phát triển do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không đủ để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ở mức 01 tháng lương thực hiện). Ngoài ra, do Công ty chưa được xếp loại nên tạm thời không trích quỹ thưởng Ban điều hành. Căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp chính thức, Công ty sẽ điều chỉnh các quỹ trong năm tài chính sau.

22. Nguồn kinh phí

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi sự nghiệp chưa được Ngân sách quyết toán</i>	<i>(1.730.978.000)</i>	<i>(1.594.829.157)</i>
Trang trí điện chiếu sáng phục vụ tết	(1.605.818.000)	(1.399.889.157)
Chất xử lý bể lắng, lọc tại bãi rác đèo Rù Rì	(125.160.000)	(194.940.000)
<i>Kinh phí sự nghiệp đã nhận của Ngân sách đã sử dụng nhưng chưa được quyết toán</i>	<i>1.785.523.259</i>	<i>29.674.257</i>
Kinh phí Cải tạo, mở rộng Quốc Lộ 1A- đoạn qua thành phố Nha Trang	1.462.600.000	-
Kinh phí duy trì công tác môi trường	322.000.000	-
Vật tư sửa chữa điện công cộng	923.259	29.146.259
Trang Trí Tết Nguyễn Đán 2010	-	527.998
Cộng	<u>54.545.259</u>	<u>(1.565.154.900)</u>

23. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	71.745.493.835	68.036.131.439
Vốn ĐTXDCB hoàn thành được duyệt	6.250.516.223	6.178.068.716
Ngân sách cấp kinh phí bằng tài sản	30.607.801.026	22.434.713.376
Khấu hao trong năm	(32.936.453.366)	(24.903.419.696)
Giảm do TSCĐ công cộng không được tính khi xác định GTDN cổ phần hóa	(75.667.357.718)	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>71.745.493.835</u>



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

Giá trị tài sản cố định phục vụ công cộng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	131.476.142.511	129.746.018.875
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(8.823.000)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(8.823.000)
Doanh thu thuần	<u>131.476.142.511</u>	<u>129.737.195.875</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu vệ sinh môi trường	81.204.053.182	85.021.473.000
- Doanh thu duy trì chăm sóc cây xanh	17.779.525.000	22.722.336.000
- Doanh thu duy trì điện chiếu sáng công cộng	8.742.992.000	6.014.591.000
- Doanh thu quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	12.700.484.187	12.439.835.729
- Doanh thu vườn cây cảnh	264.028.819	95.620.019
- Doanh thu vệ sinh môi trường (lĩnh vực xã hội hóa)	5.676.982.909	1.331.894.000
- Doanh thu bãi chôn lấp Lương Hòa	4.035.503.636	-
- Doanh thu dịch vụ khác	1.072.572.778	1.137.574.541

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vệ sinh môi trường	68.860.049.248	81.056.158.145
Giá vốn duy trì chăm sóc cây xanh	18.757.129.754	20.639.929.491
Giá vốn duy trì điện chiếu sáng công cộng	6.837.642.788	5.223.935.055
Giá vốn quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng	12.033.682.841	11.340.725.971
Giá vốn vườn cây cảnh	187.909.956	56.926.786
Giá vốn vệ sinh môi trường (lĩnh vực xã hội hóa)	5.383.660.319	1.161.473.141
Giá vốn bãi chôn lấp Lương Hòa	5.435.876.219	-
Giá vốn dịch vụ khác	38.300.754	87.754.909
Cộng	<u>117.534.251.879</u>	<u>119.566.903.498</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	262.979.742	1.031.612.232
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	256.574.424	233.506.116
Cộng	<u>519.554.166</u>	<u>1.265.118.348</u>

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	283.439.178	201.554.594
Chi phí tài chính khác	-	3.788.194
Cộng	<u>283.439.178</u>	<u>205.342.788</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.931.035.839	5.061.661.973
Chi phí công cụ dụng cụ	981.289.941	449.528.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.154.660	228.324.591
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.007.830.932	1.618.427.631
Chi phí bằng tiền khác	1.123.262.100	603.037.716
Cộng	<u>8.264.573.472</u>	<u>7.963.980.041</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thanh lý vật tư hỏng	524.271.181	3.709.088
Thu tiền hoàn trả giá trị tài sản trên đất số 02 Bãi dương - Nha Trang	205.494.875	-
Thu nhập khác	8.181.819	13.454.544
Cộng	<u>737.947.875</u>	<u>17.163.632</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản, bàn giao tài sản	155.253.986	-
Thuế truy thu, nộp phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	113.932.163	24.861.018
Lãi nộp chậm	168.993.067	-
Chi phí khác	105.376.937	4.412.100
Cộng	<u>543.556.153</u>	<u>29.273.118</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Nha Trang chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 12 năm 2014 bởi Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa (do chuyển đổi hình thức doanh nghiệp).

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm chỉ bao gồm tiền lương, thưởng và các khoản khác theo quy chế của Công ty. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm nay là 1.111.073.934 VND, trong năm trước là 1.057.227.668 VND.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Ngoài ra, Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Nha Trang và Phòng Quản Lý Đô Thị Thành phố Nha Trang với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chiếm 96% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 98%). Tuy nhiên, đây là các đơn vị thuộc Chính phủ nên hầu như không có rủi ro về khả năng không thu hồi được nợ.

Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản nợ phải thu khách hàng với số tiền 146.258.000 VND đã quá hạn thanh toán trên 3 năm nhưng chưa được lập dự phòng do Công ty không được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm bàn giao chuyển sang Công ty cổ phần.



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	394.733.481	1.253.578.896	2.507.157.791	4.155.470.168
Phải trả người bán	2.013.231.000	-	-	2.013.231.000
Các khoản phải trả khác	5.123.849.401	-	-	5.123.849.401
Cộng	7.531.813.882	1.253.578.896	2.507.157.791	11.292.550.569
Số đầu năm				
Vay và nợ	313.394.724	1.253.578.896	2.820.552.515	4.387.526.135
Phải trả người bán	2.630.251.600	-	-	2.630.251.600
Các khoản phải trả khác	6.667.237.888	-	-	6.667.237.888
Cộng	9.610.884.212	1.253.578.896	2.820.552.515	13.685.015.623

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro giá hàng hóa.

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

0445
CHI
ĐNG
TOÁ
A
NH
ANG

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.439.591.492	-	32.098.685.842	-	16.439.591.492	32.098.685.842
Phải thu khách hàng	8.931.488.000	-	12.233.154.898	(206.371.898)	8.931.488.000	12.026.783.000
Các khoản phải thu khác	3.129.522.767	-	1.829.017.480	-	3.129.522.767	1.829.017.480
Cộng	28.500.602.259	-	46.160.858.220	(206.371.898)	28.500.602.259	45.954.486.322

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	4.155.470.168	4.387.526.135	4.155.470.168
Phải trả người bán	2.013.231.000	2.630.251.600	2.013.231.000	2.630.251.600
Các khoản phải trả khác	5.123.849.401	6.667.237.888	5.123.849.401	6.667.237.888
Cộng	11.292.550.569	13.685.015.623	11.292.550.569	13.685.015.623

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởng


Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc



Khánh Hòa, 11 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

PHỤ LỤC 1

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định công cộng	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.506.146.048	62.400.000	55.165.293.006	168.625.280	163.379.617.663	229.282.081.997
Tăng trong năm	7.299.255.257	-	12.824.380.600	-	36.488.333.749	56.611.969.606
Mua sắm mới	2.821.519.260	-	10.454.400.000	-	-	13.275.919.260
Ngân sách cấp	-	-	-	-	30.607.801.026	30.607.801.026
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	2.369.980.600	-	5.880.532.723	8.250.513.323
Đánh giá lại tài sản cố phần hóa	4.477.735.997	-	-	-	-	4.477.735.997
Giảm trong năm	(214.567.345)	-	(3.485.959.743)	(27.024.349)	(199.867.951.412)	(203.595.502.849)
Giảm do không tính khi xác định GTDN	-	-	(1.003.341.440)	(27.024.349)	(199.867.951.412)	(199.867.951.412)
Đánh giá lại tài sản cố phần hóa	-	-	(2.482.618.303)	-	-	(1.030.365.789)
Thanh lý, nhượng bán	(214.567.345)	-	64.503.713.863	141.600.931	-	(2.697.185.648)
Số cuối năm	17.590.833.960	62.400.000	64.503.713.863	141.600.931	-	82.298.548.754
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.743.657.495	6.205.333	28.982.181.463	61.650.937	91.264.140.328	123.057.835.556
Tăng trong năm	5.194.346.936	12.480.000	4.890.093.347	29.166.000	32.936.453.366	43.062.539.649
Khấu hao trong năm	980.183.362	12.480.000	4.890.093.347	29.166.000	32.936.453.366	38.848.378.075
Đánh giá lại tài sản cố phần hóa	4.214.161.574	-	-	-	-	4.214.161.574
Giảm trong năm	(116.421.044)	(1.213.333)	(8.246.284.087)	(22.709.193)	(124.200.593.694)	(132.587.221.351)
Đánh giá lại tài sản cố phần hóa	-	(1.213.333)	(5.780.346.023)	(22.709.193)	-	(5.804.268.549)
Thanh lý, nhượng bán	(116.421.044)	-	(2.465.938.064)	-	-	(2.582.359.108)
Giảm do không tính khi xác định GTDN	-	-	-	-	(124.200.593.694)	(124.200.593.694)
Số cuối năm	7.821.583.387	17.472.000	25.625.990.723	68.107.744	-	33.533.153.854
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.762.488.553	56.194.667	26.183.111.543	106.974.343	72.115.477.335	106.224.246.441
Số cuối kỳ	9.769.250.573	44.928.000	38.877.723.140	73.493.187	-	48.765.394.900
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-



Ngày lập báo cáo, ngày 11 tháng 3 năm 2015

(Signature)
Nguyễn Hùng Thanh
 Kế toán trưởng

(Signature)
Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Người lập biểu

(Signature)
Hồ Ngọc Ân
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ NHA TRANGĐịa chỉ: 22 Hùng Vương - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
BẢO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**PHỤ LỤC 2**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	20.608.000.000	14.545.470.470	-	-	528.875.260	-	10.092.764.500	45.775.110.230	
Lợi nhuận sau thuế trong năm trước	-	-	-	-	-	1.702.008.462	-	1.702.008.462	
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	113.467.231	(113.467.231)	-	-	
Trích quỹ thưởng ban điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm nay	-	-	-	-	-	(1.588.541.231)	-	(1.588.541.231)	
Kết chuyển nguồn đối với tài sản được cấp	-	2.815.102.000	-	-	-	-	(2.815.102.000)	2.754.375.000	
Ngân sách cấp bổ sung trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(6.083.307.000)	(6.083.307.000)	
Vốn ĐTXDCB hoàn thành được duyệt	-	-	-	-	-	-	3.948.730.500	42.559.645.461	
Số dư cuối năm trước	20.608.000.000	17.360.572.470	-	-	642.342.491	-	-	-	
Số dư đầu năm nay	20.608.000.000	17.360.572.470	-	-	642.342.491	-	3.948.730.500	42.559.645.461	
Điều chỉnh trích quỹ năm trước	-	-	-	-	(113.467.231)	113.467.231	-	-	
Kết chuyển quỹ	-	-	-	528.875.260	(528.875.260)	-	-	-	
Nộp quỹ	-	-	-	(528.875.260)	-	-	-	(528.875.260)	
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(122.821.485)	-	(122.821.485)	
Điều chỉnh giảm quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	9.354.254	-	9.354.254	
Lợi nhuận sau thuế năm nay	-	-	-	-	-	4.689.860.708	-	4.689.860.708	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.689.860.708)	-	(4.689.860.708)	
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	
Ngân sách cấp bổ sung trong năm nay	-	10.454.400.000	-	-	-	-	3.959.697.723	14.414.097.723	
Kết chuyển nguồn đối với tài sản được cấp	-	1.657.912.000	-	-	-	-	(1.657.912.000)	(6.250.516.223)	
Vốn ĐTXDCB hoàn thành được duyệt	-	-	-	-	-	-	(6.250.516.223)	(6.250.516.223)	
Đánh giá lại tài sản cổ phần hóa	-	-	5.800.444.360	-	-	-	-	5.800.444.360	
Kết chuyển nguồn tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần	35.273.328.830	(29.472.884.470)	(5.800.444.360)	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm nay	55.881.328.830	-	-	-	-	-	-	55.881.328.830	

(Signature)

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Hùng Thanh
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 11 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc